TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/DS–ST
Ngày: 09 - 7 -2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dân;

2. Ông Nguyễn Văn Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST–DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST–DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Tấn T, sinh năm 1966, có mặt;

Cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Trương Thành H, sinh năm 1975, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Hồ Tấn T trình bày:

Do quen biết với ông Trương Thành H nên ông T có nhờ ông H đứng tên đặt cọc mua xe container và ông T có cho ông H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Về tiền đặt cọc mua xe Contianer: Vào ngày 19/3/2018 ông T có nhờ ông H đứng tên để vay Ngân hàng Quân Đội mà Công ty P bán xe hợp tác cho người dân vay tiền mua xe trả góp thì được ông H đồng ý. Nên cùng ngày 19/3/2018 ông T và

ông H cùng nhau đến Công ty cổ phần thương mại dịch vụ P – Chi nhánh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty P) thuộc phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để xem xe và ông T tiến hành đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty P nhưng người ký giấy tờ nộp tiền cọc là do ông Trương Thành H ký tên, ông T không ký, toàn bộ giấy tờ về việc nộp cọc do ông H cất giữ.

Trong thời gian chưa đến 20 ngày chờ ngân hàng cho vay thì ông Trương Thành H đến Công ty P rút tiền đặt cọc nhưng không được. Đến khoảng thời gian từ ngày 30/4/2018 đến ngày 10/5/2018 ông H tiếp tục đến Công ty P rút tiền đặt cọc thì lần này Công ty P đã trả cho ông H 50.000.000 đồng tiền đặt cọc vì Công ty P trả lời ngân hàng không cho vay. Việc ông H tự ý đến Công ty P rút tiền đặt cọc thì ông H không báo cho ông T biết, số tiền 50.000.000 đồng này ông H đã giữ mà không trả cho ông T. Toàn bộ sự việc ông T nhờ ông H đứng tên mua xe dùm thì hai bên không làm văn bản, giấy tờ gì ghi nhận sự thỏa thuận này, việc ông T dùng tiền của mình để đặt tiền cọc mua xe cho Công ty P chỉ có anh Đ chứng kiến biết việc này.

- Ngoài ra, ông Hồ Tấn T còn cho ông H vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 01: Vào ngày 25/8/2017 ông H vay số tiền 17.600.000 đồng để ông H làm vốn mua bán cây tràm, khi vay thì ông H điện thoại cho ông T yêu cầu cầm tiền xuống thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh cho ông H vay, ông H nói "*Sẽ gom tiền trả trước sau trả lần 01*", không nói rõ cụ thể ngày trả nợ.

Lần 02 và lần 03: Vào buổi sáng khoảng từ ngày 20 đến ngày 30/4/2018 ông H đến nhà ông T vay số tiền 14.000.000 đồng, mục đích để ông H đi chuộc lại xe thế ở tiệm cầm đồ thì ông T đồng ý và đã giao 14.000.000 đồng cho ông H vay. Lần 03 là vào khoảng 13 giờ cùng ngày vay lần 02,ông H tiếp tục đến nhà ông T vay thêm số tiền 43.5000.000 đồng, mục đích để ông H lấy tiền cho cha ruột ông Trương Văn N trả nợ ngân hàng, ông H hẹn 15 ngày sẽ trả hết nợ một lần.

Cả 03 lần vay nêu trên ông T và ông H đều không làm giấy tờ ký nhận, không ai chứng kiến và các bên không thỏa thuận tính tiền lãi.

Nay ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả 50.000.000 đồng tiền đặt cọc mua xe container và 75.100.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 125.100.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trương Thành H nhưng ông H cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải. Ông H phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Trương Thành H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Tấn T về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Thành H hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng tiền đặt cọc mua xe container và 75.100.000 đồng tiền vay; ông Hồ Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

Xác định quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nhưng trong quá trình giải quyết, xét thấy nguyên đơn ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả số tiền mà ông T nhờ ông H đứng tên đặt cọc mua xe container và tiền vay. Do đó nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản" được quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng mà ông T nhờ ông H đặt cọc mua xe, xét thấy:

Ông T khởi kiện cung cấp 02 thẻ nhớ ghi âm, trong đó thẻ nhớ số 01 ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông Hồ Tấn T với anh Vũ Xuân Đ, nội dung thể hiện việc ông T yêu cầu anh Đ là người làm chứng để ông T ghi thông tin anh Đ vào đơn khởi kiện nhưng anh Đ không đồng ý.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Anh Vũ Xuân Đ là nhân viên kinh doanh của Công ty P. Anh Đ xác định có sự việc trước ngày 09/3/2018 khoảng 01 tuần thì ông Trương Thành H có điện thoại cho anh Đ hỏi về việc ông H có nhu cầu mua 01 xe đầu kéo và sơ mi rơ mooc, anh Đ có hẹn với ông H đến Công ty P

để làm thủ tục đặt cọc mua xe. Đến ngày hẹn là ngày 09/3/2018, ông H đến Công ty P đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để mua xe, sau 03 tuần kể từ ngày đặt cọc do ngân hàng không hỗ trợ cho ông H vay vốn nên vào ngày 12/4/2018 ông H đã đến công ty để làm thủ tục nhận lại tiền cọc 50.000.000 đồng. 01 tháng sau ông Hồ Tấn T đến Công ty P yêu cầu công ty trả lại tiền đặt cọc nhưng ông Hồ Tấn T không xuất trình giấy tờ chứng minh việc ông T nộp cọc, do đó Công ty P không chấp nhận yêu cầu của ông T. Anh Đ xác định có việc ông T điện thoại cho anh Đ yêu cầu anh Đ viết giấy xác nhận cho ông T có đặt cọc tiền cho Công ty P nhưng anh Đ từ chối vì từ khi đặt tiền cọc cho đến khi trả tiền cọc anh Đ chỉ làm việc với ông Trương Thành H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty P cung cấp: Hợp đồng mua bán không thể hiện ngày, tháng, năm giữa bên bán (bên A) là Công ty CP TM DV P – CN Bình Dương và bên mua (bên B) ông Trương Thành H có thể hiện chữ ký bên A đại diện bên bán và bên B là Trương Thành H ký tên (bút lục số 47, 48, 49); phụ lục hợp đồng thể hiện chữ ký bên mua Trương Thành H (bút lục số 46); phiếu thu ngày 09/3/2018 thu tiền đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng thể hiện người nộp tiền Trương Thành H (bút lục số 51); giấy nộp tiền ngày 12/4/2018 tên người nhận Trương Thành H, nội dung Công ty P chuyển trả tiền cọc mua xe số tiền 50.000.000 đồng.

Ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông T nhờ ông H đứng tên đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để mua xe dùm cho ông T tại Công ty P, mặt khác người làm chứng anh Vũ Xuân Đ cũng không thừa nhận việc ông T nhờ ông H đứng tên mua xe dùm và cũng không thừa nhận việc ông T đặc cọc mua xe cho Công ty P.

Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ trong vụ việc*".

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Tấn T yêu cầu bị đơn ông Trương Thành H hoàn trả số tiền đặt cọc mua xe 50.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả số tiền vay 75.100.000 đồng, xét thấy:

Theo lời trình bày của ông T cho rằng ông H vay tiền 03 lần vào các ngày 25/8/2017, khoảng thời gian tháng 4/2018 tổng số tiền vay 75.100.000 đồng nhưng cả 03 lần vay giữa ông T và ông H đều không làm giấy tờ ký nhận, không ai chứng kiến, các bên không thỏa thuận tính tiền lãi.

Ông T khởi kiện cung cấp chứng cứ chứng minh là thẻ nhớ số 02 ghi âm cuộc nói chuyện trực tiếp mà ông T cho rằng là lời nói giữa ông T với ông Trương Văn N là cha ruột ông H và anh Trương Bá P là em trai ruột của ông H với nội

dung nêu trong bản dịch ngày 17/10/2018 (bút lục số 08) thể hiện việc ông T hỏi ông N và anh P có vay tiền của ông H 43.500.000 đồng để ông N trả nợ ngân hàng. Nhưng tại biên bản lấy lời khai của anh Trương Bá P (bút lục số 37) cung cấp: Anh P không biết gì nên không cung cấp cho Tòa án; lời khai của ông Trương Văn N (bút lục số 36) trình bày: Vào tháng 4/2018 có việc con ông là Trương Thành H đưa cho ông N số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, chứ không phải 43.500.000 đồng, còn nguồn tiền ở đâu mà Trương Thành H đưa thì ông N không biết. Ông N không đồng ý với nội dung đoạn ghi âm mà ông T đã cung cấp cho Tòa án. Do đó nội dung ghi âm trong thẻ nhớ số 02 không có đủ cơ sở để chứng minh việc ông T cho ông H vay số tiền 43.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định không yêu cầu giám định giọng nói của anh Vũ Xuân Đ, ông Trương Bá N, anh Trương Bá P trong 02 thẻ nhớ đã cung cấp cho Tòa án.

Ông T cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc ông T có cho ông H vay tổng số tiền 75.100.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả số tiền vay 75.100.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả tổng số tiền 125.100.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông Hồ Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 125.100.000 đồng x 5 % = 6.255.000 đồng (sáu triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng theo khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 463 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn T yêu cầu ông Trương Thành H hoàn trả số tiền 125.100.000 (một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm nghìn) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Thành H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Ông Hồ Tấn T phải chịu 6.255.000 (sáu triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.127.000 (ba triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006011 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ông Hồ Tấn T còn phải nộp 3.128.000 (ba triệu, một trăm hai mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Thị Kim Thu